

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST

Ngày: 02/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh:* Đàm Thanh S

Trong ngày 02/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 223/2022/TLST-DS ngày 28/11/2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-DS ngày 19/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST-DS ngày 11/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1987;

\* *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đàm Thanh S, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Số 21 Đường NQ, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 15/11/2022, được công chứng số 012258 quyền số 11/2022 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:*

1/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 527 đường GP, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thái H, sinh năm 1969;

Địa chỉ thường trú: Số 527 đường GP, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ L hệ: Số 419/15/7/22 Đường KVC, phường HBC, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:* Bà Đinh Thị L, sinh năm 1958;

Địa chỉ thường trú: Số 59/54/37 Đường số 8, Khu phố 5, phường TT, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ L hệ: Số 1074/34/20 Đường QT, Phường H, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Ông Đàm Thanh S có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2022; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc C, thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Đàm Thanh S trình bày:***

Ngày 11/01/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc C có cho ông Trần Văn L và vợ là bà Trần Thái H vay số tiền 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay một tháng từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/02/2019, không tính lãi suất. Hai bên có lập Hợp đồng vay tiền bằng văn bản và được công chứng số 000615 quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến thời hạn trả nợ (tức ngày 11/02/2019), ông L và bà H chưa có khả năng trả nợ cho bà C nên hai bên đồng ý gia hạn thêm một thời gian. Ngày 09/11/2020, bà C cùng với bà Trần Thái H và bà Đinh Thị L là mẹ của ông Trần Văn L cùng thương lượng, cản trừ các khoản tiền bà H, ông L đã thanh toán và chốt lại số nợ còn lại là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và thời hạn trả nợ là 01 tháng (ngày 19/12/2020), bà Đinh Thị L cam kết bảo lãnh cho bà H, ông L đối với khoản

vay này, nếu hết thời hạn một tháng kể từ ngày 09/11/2020 mà bà H không trả tiền thì bà L có trách nhiệm trả khoản vay này theo giấy bảo lãnh của bà Đinh Thị L ký ngày 09/11/2020. Tuy nhiên, hết thời hạn một tháng và cho đến nay bà H, ông L và bà L vẫn không trả khoản vay này cho bà C.

Ngày 04/02/2021, bà C tiếp tục cho bà Trần Thái H vay tổng số tiền 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng), C tiết như sau:

- Khoản vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), thời hạn vay 07 (bảy) ngày tính từ ngày 04/02/2021 đến hết ngày 10/02/2021, lãi suất theo thỏa thuận và theo quy định Bộ luật dân sự, căn cứ theo hợp đồng vay tiền số 003234 do văn phòng công chứng Mai Việt Cường chứng nhận ngày 04/02/2021.

- Khoản vay 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 (ba) tháng kể từ ngày 04/02/2021 đến ngày 03/04/2021, lãi suất theo thỏa thuận và theo quy định Bộ luật dân sự, căn cứ theo hợp đồng vay tiền số 003235 do văn phòng công chứng Mai Việt Cường chứng nhận ngày 04/02/2021.

Bà H nói với bà C cần vay khoản tiền này để giải quyết công việc làm ăn, sau khi giải quyết xong công việc, bà H sẽ có tiền trả hết cho bà C và trả luôn khoản tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) còn nợ trước đó.

Từ ngày vay các khoản tiền của bà C đến nay, ông L, bà H, bà L đều không trả bất kỳ khoản tiền nào cho bà C, kể cả nợ gốc và tiền lãi.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Ông Trần Văn L và bà Trần Thái H phải trả cho bà C số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền lãi tạm tính đến ngày 02/8/2023 là 163.452.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi bà C yêu cầu ông Trần Văn L và bà Trần Thái H phải trả, tạm tính đến ngày 02/8/2023 là **763.452.000 đồng**. Trong trường hợp ông L và bà H không trả nợ, bà C yêu cầu bà Đinh Thị L phải trả cho bà C số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) nợ gốc theo giấy bảo lãnh của bà L, ông L và bà H vẫn phải chịu trách nhiệm trả tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Cá nhân bà Trần Thái H có trách nhiệm trả cho bà C tổng số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày Tòa tuyên án bao gồm lãi trong hạn với mức lãi suất 10%/năm và lãi quá hạn với mức lãi suất 15%/năm, tiền lãi tạm tính đến ngày 12/06/2023, C tiết như sau:

- Khoản vay 500.000.000 đồng:

- + Lãi trong hạn từ ngày 04/02/2021 đến ngày 10/02/2021 là: 500.000.000 đồng x 10%/năm x 7 ngày = 959.000 đồng

+ Lãi quá hạn từ ngày 11/02/2021 đến ngày 02/8/2023: 500.000.000 đồng x 15%/năm x 2 năm 5 tháng 21 ngày = 185.565.000 đồng

• Khoản vay 1.800.000.000 đồng:

+ Lãi trong hạn kể từ ngày 04/02/2021 đến ngày 03/5/2021: 1.800.000.000 đồng x 10%/năm x 3 tháng = 45.000.000 đồng

+ Lãi quá hạn từ ngày 04/5/2021 đến ngày 02/8/2021: 1.800.000.000 đồng x 15%/năm x 2 năm 2 tháng = 628.212.000 đồng

Tổng số tiền nợ gốc và tiền lãi nguyên đơn yêu cầu cá nhân bà Trần Thái H phải trả, tạm tính đến ngày 02/8/2023 là: 3.159.736.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

**\* Bị đơn là ông Trần Văn L, bà Trần Thái H và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là bà Đinh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.**

**\* Tại phiên tòa:**

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đàm Thanh S trình bày:**

Nguyên đơn xác định: Toàn bộ số tiền nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Ngọc C) cho ông L, bà H vay chung 600.000.000 đồng và số tiền cho bà H vay riêng 2.300.000.000 đồng là tiền của cá nhân bà C, không L quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Đối với số nợ gốc 600.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu ông L, bà H trả chung, nguyên đơn xin rút yêu cầu tính lãi của khoản nợ này, số tiền lãi nguyên đơn xin rút yêu cầu là 163.452.000 đồng.

Đối với số tiền 2.300.000.000 đồng bà C cho bà H vay ngày 04/02/2021, bà C chỉ yêu cầu một mình bà H có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu chồng bà H (ông L) cùng có nghĩa vụ L đới trả nợ chung với bà H.

Đối với việc tính lãi của số tiền 2.300.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý tính tròn theo tháng (30 ngày), nếu có dư ra từ 1 đến 29 ngày thì không yêu cầu tính lãi của những ngày này.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:**

**- Về tố tụng:**

+ Trong quá trình thụ lý, giải quyết: Tòa án và Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Thực hiện thủ tục khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, đúng thành phần và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại Điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Thư ký tiến hành các thủ tục trước khi khai mạc phiên tòa đúng quy định tại Điều 51, 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*- Về nội dung:*

Căn cứ hợp đồng vay tiền số công chứng 000615, quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD được công chứng tại Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường ngày 11/01/2019, xác định bà Nguyễn Thị Ngọc C có cho ông Trần Văn L và bà Trần Thái H vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/02/2019, không tính lãi suất.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày, quá trình thực hiện hợp đồng vay ông L và bà H còn nợ 600.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và xin rút lại yêu cầu tính lãi quá hạn đối với phần nợ gốc 600.000.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng vay giữa các bên là hình thức văn bản có công chứng, trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Việc ông L và bà H trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm pháp luật dân sự. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L và bà H trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về trách nhiệm bảo lãnh:***

Xét Giấy bảo lãnh do bà C viết đề ngày 09/11/2020 có nội dung bà L làm giấy bảo lãnh cho con dâu bà là bà H, cam kết rằng từ ngày ký giấy bảo lãnh đến 01 tháng sau sẽ hoàn trả tiền cho bà C đầy đủ, nếu hết thời gian trên bà H không thể trả số tiền 600.000.000 đồng thì bà L đứng ra thay thế bà H trả nợ. Đến nay, ông L và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên việc bà C khởi kiện yêu cầu bà Đinh Thị L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 335, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự.

Như vậy, trường hợp ông L và bà H không trả nợ cho nguyên đơn thì bà L có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng cho nguyên đơn theo giấy bảo lãnh đề ngày 09/11/2020 mà bà L đã ký.

### **Đối với 02 khoản vay ngày 04/02/2021:**

Căn cứ nội dung các hợp đồng vay tiền số công chứng 003234 và số công chứng 003235, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường chứng nhận ngày 04/02/2021; có cơ sở xác định bà C có cho bà Trần Thái H vay 02 khoản tiền với tổng số tiền là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng).

Hợp đồng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản có công chứng, hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Đến hạn trả nợ bà H trốn tránh không trả tiền theo thỏa thuận đã ký kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo pháp luật dân sự. Do đó, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân bà H phải trả tổng số tiền gốc 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) đối với hai hợp đồng trên là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 351, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Đối với tiền lãi:** Trong 02 hợp đồng vay tiền, hai bên có thỏa thuận về lãi suất không trái quy định của Bộ luật dân sự, nhưng không rõ mức lãi suất. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất trong hạn và quá hạn là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn ở mức lãi suất trong hạn là 10%/năm và mức lãi suất lãi quá hạn là 15%/năm. Do đó có cơ sở chấp nhận xét việc tính lãi, thời hạn tính lãi của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay tiền số 003234 ngày 04/02/2021 (khoản vay 500.000.000 đồng): Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không tính lãi trong hạn tại phiên tòa, lãi quá hạn là 15%/năm tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày 02/8/2023.

- Hợp đồng vay tiền số 003235 ngày 04/02/2021 (khoản vay 1.800.000.000 đồng): Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thời hạn vay trong hợp đồng là 03 tháng, từ ngày 04/02/2021 đến ngày 03/04/2021 là nhầm lẫn, phía nguyên đơn xác nhận lại thời hạn đến ngày 03/5/2021. Do đó, xác định lãi trong hạn là 10%/năm với thời hạn 3 tháng, lãi quá hạn 15%/năm tính từ ngày 04/5/2021 đến ngày 02/8/2023.

Ghi nhận việc nguyên đơn tự nguyện tính quy tròn tiền lãi theo tháng, không tính số ngày lẻ.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 335, Điều 339, Điều 342, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Ngọc C. Trường hợp ông L và bà H không trả nợ cho nguyên đơn thì bà Đinh Thị L có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng cho nguyên đơn theo giấy bảo lãnh đề ngày 09/11/2020.

Buộc cá nhân bà Trần Thái H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C tổng số tiền vốn gốc là 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 500.000.000 đồng kể từ ngày 11/02/2021 đến ngày 02/8/2023 với mức lãi suất 15%/năm; tiền lãi trong hạn đối với khoản vay 1.800.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm; tiền lãi quá hạn đối với khoản vay 1.800.000.000 đồng kể từ ngày 04/5/2021 đến ngày 02/8/2023 với mức lãi suất 15%/năm.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H trả tiền lãi quá hạn đối với phần nợ gốc 600.000.000 đồng.

3. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1.] Về tố tụng:*

- Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn có nơi cư trú tại Số 527 đường GP, Phường C, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn là ông Trần Văn L và bà Trần Thái H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2. Về nội dung:]*

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H trả số tiền nợ vay ngày 11/01/2019 là 600.000.000 đồng, thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: Ngày 11/01/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc C có cho ông Trần Văn L và bà Trần Thái H vay

số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, không tính lãi suất, hợp đồng được lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường, số công chứng 000615 ngày 11/01/2019. Sau khi vay thì ông L, bà H có trả cho bà C được 600.000.000 đồng và còn nợ lại 600.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lại thời hạn trả là ngày 09/12/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên của ông L, bà H thì bà Đinh Thị L là mẹ ông L đã viết giấy bảo lãnh cam kết nếu ông L, bà H không trả được nợ thì bà L sẽ trả nợ thay cho ông L và bà H đối với số nợ gốc 600.000.000 đồng. Việc bảo lãnh chỉ thỏa thuận bằng văn bản, không có tài sản thế chấp hay cầm cố.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn L và bà Trần Thái H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, nhưng Hợp đồng vay có chữ ký xác nhận của ông L, bà H và được công chứng tại Văn phòng Công chứng Mai Việt Cường nên có cơ sở xác định việc ông L, bà H có vay của bà C số tiền 1.200.000.000 đồng, đến nay còn nợ lại số tiền gốc 600.000.000 đồng là có thật. Việc ông L, bà H không tham gia tố tụng là mặc nhiên từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc 600.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Ngọc C là phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã xin rút yêu cầu đối với việc tính lãi của số tiền nợ gốc 600.000.000 nêu trên, với tổng tiền lãi là 163.452.000 đồng. Việc rút yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, thuộc phạm vi được ủy quyền nên Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét đối với yêu cầu này.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Đinh Thị L có nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng của ông L, bà H:

Theo Giấy bảo lãnh ngày 09/11/2020 có chữ ký, chữ viết đề tên Đinh Thị L, với nội dung: bà L bảo lãnh cho bà H đối với số nợ 600.000.000 đồng, sau ngày 09/12/2020 nếu bà H không trả được nợ thì bà L sẽ là người chịu trách nhiệm trả nợ thay cho bà H.

Giấy bảo lãnh không được công chứng, chứng thực. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà L là người trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó có ghi rõ nội dung nguyên đơn khởi kiện, nhưng bà L đều không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy cần buộc bà L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với số tiền nợ 600.000.000 đồng của bà H, ông L vay của bà C theo quy định tại Điều 335 và Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 335 và Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định như sau:

*“1. Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.*

*2. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.*

*3. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.”*

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Trần Văn L, bà Trần Thái H, bà Đinh Thị L về việc buộc bà Trần Thái H và ông Trần Văn L cùng có nghĩa vụ L đối trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền nợ gốc là **600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng)**.

Trường hợp bà H, ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Đinh Thị L phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền đã nhận bảo lãnh là 600.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn L và bà Trần Thái H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc C về việc buộc bà Trần Thái H có nghĩa vụ trả số tiền nợ 2.300.000.000 đồng theo 02 hợp đồng vay tiền lập ngày 04/02/2021:

Cùng ngày 04/02/2021, bà Nguyễn Thị Ngọc C cho bà Trần Thái H vay 02 khoản tiền, việc cho vay có lập hợp đồng, được công chứng tại Văn phòng công chứng Mai Việt Cường, có dấu vân tay và chữ ký của bà H nên có cơ sở xác định đây là hợp đồng hợp pháp.

Hợp đồng thứ nhất ghi nhận bà H vay số tiền là 500.000.000 đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thời hạn vay là 07 ngày;

Hợp đồng thứ 2 ghi nhận số tiền vay là 1.800.000.000 đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thời hạn vay là 03 tháng, tức đến ngày

03/5/2021. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác nhận trong hợp đồng ghi ngày 03/4/2021 là do nhầm lẫn.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Trần Thái H không trả nợ cho bà C. Do đó, có cơ sở chấp nhận buộc bà Trần Thái H trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C toàn bộ số nợ gốc là **2.300.000.000 đồng**. (1)

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thái H phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn là 10%/năm và lãi quá hạn là 15%/năm, thấy rằng: Hợp đồng vay tiền giữa bà C và bà H có thỏa thuận lãi và lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được công nhận. Cụ thể như sau:

- Đối với khoản tiền vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 07 ngày, kể từ ngày 04/02/2021:

+ Lãi suất trong hạn kể từ ngày 04/02/2021 đến ngày 10/02/2021 là 7 ngày. Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính khoản tiền lãi này.

+ Lãi suất quá hạn kể từ ngày 10/02/2021 đến ngày 02/8/2023 là:  $500.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 05 \text{ tháng} = \mathbf{181.250.000 \text{ đồng}}$  (2).

- Đối với khoản tiền vay 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, kể từ ngày 04/02/2021:

+ Lãi suất trong hạn kể từ ngày 04/02/2021 đến ngày 03/5/2021 là:  $1.800.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 03 \text{ tháng} = \mathbf{45.000.000 \text{ đồng}}$  (3)

+ Lãi suất quá hạn kể từ ngày 04/5/2021 đến ngày 02/8/2023 là:  $1.800.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 02 \text{ tháng} = \mathbf{585.000.000 \text{ đồng}}$  (4)

Tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4), bà Trần Thái H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền nợ gốc và nợ lãi là **3.111.250.000 đồng**.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thái H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc C không yêu cầu ông Trần Văn L có nghĩa vụ L đối trả nợ chung với bà Trần Thái H đối với số nợ do bà H vay.

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn L, bà Trần Thái H có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu chung số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.000.000 đồng;

Bà Trần Thái H còn phải chịu riêng số tiền án phí dân sự là: 94.225.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.098.870 đồng theo biên lai thu số 0012751 ngày 28/11/2022 và 16.400.000 đồng theo biên lai thu số 0012752 ngày 28/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 150, Điều 244, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 355, 342, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với ông Trần Văn L, bà Trần Thái H về việc buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền nợ gốc là **600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng)**.

2. Trường hợp bà H, ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì bà Đinh Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền đã nhận bảo lãnh là **600.000.000 đồng**.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn L và bà Trần Thái H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Trần Văn L và bà Trần Thái H trả tiền lãi chậm trả đối với phần nợ gốc 600.000.000 đồng.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc C đối với bà Trần Thái H về việc buộc bà Trần Thái H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền nợ gốc và nợ lãi là 3.111.250.000 đồng (Ba tỷ một trăm mười một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000 đồng, nợ lãi là 811.250.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thái H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn L và bà Trần Thái H phải chịu chung số tiền án phí là 28.000.000 đồng;

Bà Trần Thái H còn phải chịu riêng số tiền án phí dân sự là: 94.225.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.098.870 đồng theo biên lai thu số 0012751 ngày 28/11/2022 và 16.400.000 đồng theo biên lai thu số 0012752 ngày 28/11/2022 tại C cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị Ngọc C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Trần Thái H, ông Trần Văn L và bà Đinh Thị L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Quận 6;
- C cục Thi hành án Q6;
- Các đương sự;
- Chánh án (để báo cáo);
- Lưu HS – VP.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Tú**